

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG - ĐỢT 3

- 1. Nhiệm vụ:** Giám sát và đánh giá chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Núi Cốc phục vụ cấp nước cho sản xuất nông nghiệp năm 2023
- 2. Ngày quan trắc:** Ngày 14/03/2023
Ngày cung cấp thông tin: 15/03/2023
- 3. Tình trạng hoạt động của các công trình tưới**
 - Tại thời điểm lấy mẫu, tình trạng hoạt động của các công trình tưới như sau: các kênh đều mở, đng cấp nước tưới,
- 4. Tổng số vị trí quan trắc:** 15 vị trí (danh sách như bảng 1)
- 5. Đơn vị thực hiện:** Viện Kỹ thuật tài nguyên nước – Trường Đại học Thủy lợi
Người cung cấp thông tin: Lê Văn Chín – Chủ nhiệm nhiệm vụ
- 6. Đơn vị nhận thông tin:** Tổng cục Thủy lợi và các đơn vị quản lý, khai thác CTTL trong vùng,

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG - ĐỢT 3

Căn cứ theo QCVN 08:2015/BTNMT và kết quả tính chỉ số WQI theo QQD 1460 QĐ-TCMT, đánh giá chất lượng nước tại các vị trí quan trắc như sau:

- 1) Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Không có vị trí nào;**
- 2) Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Thượng lưu hồ; Thượng lưu công lấy nước;**
- 3) Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí còn lại**
- 4) Các vị trí đạt giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **không có**
- 5) Các vị trí không đạt giá trị trên: **Không có**

Bảng 1. Kết quả quan trắc chất lượng nước - đợt 3

Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường				Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	
<i>QCVN 08:2015/ A1</i>				6-8,5	-	≥ 6	
<i>QCVN 08:2015 A2</i>				6-8,5	-	≥ 5	
<i>QCVN 08:2015/ B1</i>				5,5-9,	-	≥ 4	
<i>QCVN 08:2015/ B2</i>				5,5-9	-	≥ 2	
NC01	Cửa ra của sông Công tại thượng lưu hồ	Đánh giá nhanh chất lượng nước khu vực thượng lưu hồ	Mực nước thấp, ven hồ không có rác thải	7,12	28,9	5,17	Đảm bảo yêu cầu cấp nước sinh hoạt và tưới
NC02	Khu khách sạn du lịch Công Đoàn	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên hồ Núi Cốc tại điểm Khách sạn Công Đoàn	Mực nước thấp, ven hồ không có rác thải	7,14	21,3	5,03	Đảm bảo yêu cầu cấp nước tưới
NC03	Khu du lịch Núi Cốc	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên hồ Núi Cốc tại điểm du lịch Núi Cốc	Mực nước thấp, ven hồ vẫn có rác thải	6,94	22,9	5,01	Đảm bảo yêu cầu cấp nước tưới
NC04	Khu khách sạn mở Việt Bắc	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên hồ Núi Cốc	Mực nước thấp, ven hồ vẫn có rác thải	6,91	21,7	4,99	Đảm bảo yêu cầu cấp nước tưới
NC05	Điểm khai thác cát	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên hồ Núi Cốc tại điểm khai thác cát	Mực nước thấp, nước đục, nhiều cặn lơ lửng	7,02	33,5	4,87	Đảm bảo yêu cầu cấp nước tưới
NC06	Khu du lịch sinh thái Núi Cốc Đông Á	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên hồ Núi Cốc tại điểm du lịch	Mực nước thấp, ven hồ vẫn có rác thải	7,26	21,4	4,98	Đảm bảo yêu cầu cấp nước tưới

Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường				Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	
NC07	Khu dịch vụ Sao Sáng	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên hồ Núi Cốc tại điểm du lịch	Mức nước thấp, ven hồ không có rác thải	7,28	24,7	4,92	Đảm bảo yêu cầu cấp nước tưới
NC08	Thượng lưu cống lấy nước	Đánh giá nhanh chất lượng nước tại thượng lưu cống lấy nước	Mức nước thấp, không có rác thải	7,43	23,7	5,51	Đảm bảo yêu cầu cấp nước sinh hoạt và tưới
NC09	Kênh chính	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh thủy lợi	Mức nước cao, nhiều rác thải trên kênh, nước bẩn	7,19	26,8	4,38	Đảm bảo yêu cầu cấp nước tưới
NC10	Đầu kênh Tây	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh thủy lợi	Mức nước cao, nhiều rác thải trên kênh, nước bẩn	6,97	30,3	3,82	Đảm bảo yêu cầu cấp nước tưới
NC11	Cuối kênh Tây	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh thủy lợi	Mức nước cao, nhiều rác thải trên kênh, nước bẩn	7,21	31,2	3,84	Đảm bảo yêu cầu cấp nước tưới
NC12	Đầu kênh Giữa	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh thủy lợi	Mức nước cao, nhiều rác thải trên kênh	7,3	23,3	4,89	Đảm bảo yêu cầu cấp nước tưới
NC13	Cuối kênh Giữa	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh thủy lợi	Mức nước cao, nhiều rác thải trên kênh	7,09	22,4	4,09	Không có nước
NC14	Đầu kênh Đông	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh thủy lợi	Mức nước cao, nhiều rác thải trên kênh	7,94	26,1	4,21	Đảm bảo yêu cầu cấp nước tưới
NC15	Cuối kênh Đông	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh thủy lợi	Mức nước cao, nhiều rác thải trên kênh	7,26	28,2	4,06	Đảm bảo yêu cầu cấp nước tưới

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2;

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2;

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2;

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp,